

**Tịnh Độ Đại Kinh Giải Diển Nghĩa****Tập 86****Chủ giảng: Lão pháp sư Tịnh Không****Thời gian: Ngày 5 tháng 04 năm 2010****Địa điểm: Hương Cảng Phật Đà Giáo Dục Hiệp Hội****Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa****Giáo chánh: Huệ Trang và Đức Phong**

Chư vị pháp sư, chư vị đồng học, xin mời ngồi xuống. Xin xem Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh Giải, trang chín mươi bốn, dòng thứ năm, xem từ câu thứ hai:

*“Tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quạt sơn trung, Xứ Thành Trụ dã. Vương Xá thành cổ hữu nhị thuyết, nhất viết Thượng Mao thành (hoặc tác Thượng Đệ thành, cựu thành), nhất viết Hàn Lâm thành (tân thành), lưỡng thuyết bất nhất”* (Tại thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quạt là Xứ Thành Trụ. Thành Vương Xá, xưa kia có hai thuyết, một thuyết nói nó là thành Thượng Mao (còn gọi là thành Thượng Đệ, tức là thành cũ), thuyết kia nói nó là thành Hàn Lâm (thành mới), hai thuyết khác nhau). Đây là điều thứ tư trong sáu thứ thành trụ, tức Xứ Thành Trụ, là nơi chốn đức Phật giảng kinh. Đức Phật giảng ở đâu? Kinh văn chép: *“Tại Vương Xá thành”*, chẳng nói *“trụ”* mà nói *“tại”*. Trung Quốc vào thời cổ, dùng chữ hết sức cẩn thận. Đức Phật chẳng còn chấp trước thân tướng, như trong kinh Kim Cang Bát Nhã đã nói: *“Vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng”*, đức Phật thật sự chứng đắc, chứng đắc Pháp Thân. Pháp Thân ở đâu? Không chỗ nào chẳng tồn tại, không lúc nào chẳng tồn tại. Do vậy, chẳng thể nói Ngài ở nơi đâu, trọn khắp pháp giới tận hư không giới đều là chỗ trụ của Ngài. Cho nên chỉ có thể nói Phật ở tại nơi đâu. Giống như chúng ta đến Bắc Kinh thăm hoàng cung, thấy Tử Cấm Thành to ngàn ấy, hoàng thượng ở trong đó, nơi đó lớn dường ấy, hoàng thượng ngự nơi nào? Ở trong một căn nhà nào? Hay trong đình các nào? Trong quá khứ, chẳng thể nói hoàng thượng *“trụ”*, vì sao? Vua là *“tứ hải chi nội, mạc phi vương thổ”* (trong bốn biển, chẳng có chỗ nào không phải là đất đai của nhà vua), lãnh thổ quốc gia chính là trụ xứ của vua, vua ở trong quốc gia này. Hiện thời, vua đang ở chỗ nào? Ở trong quốc gia, chẳng thể nói vua trụ chỗ nào. Nếu ra ngoại quốc, [có thể nói] vua trụ trong Trung Quốc. Đối với triều Thanh thì nói [vua nhà Thanh] trụ trong Đại Thanh quốc, nói như vậy thì được. Đối với Phật, quý vị biết Pháp Thân của Phật là trọn khắp pháp giới, hư không giới, trong đại vũ trụ;

đại vũ trụ chẳng có gì ra ngoài, không có lớn ra ngoài, không gì nhỏ chẳng gồm trong. Do vậy, đôi với Phật đều nói là “*tại*”, Ngài tại chỗ nào!

Thuở đức Phật tại thế, thành Vương Xá cũng là một tiểu quốc. Đức Phật xuất thế nhằm đời Châu tại Trung Quốc. Chư vị phải hiểu, thuở ấy, quốc gia chưa thống nhất. Vì vậy, chúng ta đọc sách vở thấy vào đời Châu có “tám trăm chư hầu”. Một [nước] chư hầu rộng chừng bằng một huyện hiện thời, còn nhỏ hơn huyện một chút. Một huyện có thể có hai ba nước [chư hầu]. Bởi lẽ, đại quốc là một trăm dặm, tiểu quốc là năm mươi dặm, kích thước là năm mươi dặm, có thể nói giống như một hương trấn hiện thời, vào thời cổ là một tiểu quốc. Đời Châu có hơn tám trăm quốc gia. Tại Ấn Độ cũng giống như vậy, cũng đều là những tiểu quốc san sát, trong kinh nói là “*mười sáu đại quốc vương*”, những nước tương đối lớn thì ước chừng to bằng một huyện hiện thời, đã rất lớn rồi, đại quốc đấy nhé! Hiểu đại lược hoàn cảnh địa lý và lịch sử như vậy. “*Tại Vương Xá thành*”, nơi nào trong thành Vương Xá? Trong núi Kỳ Xà Quật. Ngoài thành Vương Xá có năm quả núi; đây là một quả núi trong năm quả núi ấy. Nói ra mọi người đều biết đức Phật đã giảng không ít kinh ở núi này, phía sau sẽ còn giới thiệu, cho nên trước hết nói về Xứ.

Thành Vương Xá: Có hai thành Vương Xá, một là cựu thành, hai là tân thành. Chúng ta đọc đoạn này sẽ biết: Từ trước tới nay, các vị tổ sư đại đức đều khẳng định đức Phật trụ nơi cựu thành, vì tân thành sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch mới được xây, đương nhiên Phật trụ tại cựu thành, chẳng trụ tại tân thành. Do vậy, Ngài trụ tại thành Thượng Đệ. Chúng ta xem đoạn kinh văn được trích dẫn kế tiếp và cách giảng của các vị đại đức xưa kia. “*Kim cú Trí Độ Luận trung viết: Phật niết-bàn hậu*” (nay dựa trên Trí Độ Luận đã nói: “Sau khi đức Phật nhập Niết Bàn”), điều này rất trọng yếu. Sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật bát Niết Bàn, tức là sau khi Ngài nhập diệt, “*A Xà Thế vương, dĩ nhân dân chuyển thiếu cố, xả Vương Xá đại thành, kỳ biên cánh tác tiểu thành*” (do nhân dân trở nên ít hơn, vua A Xà Thế bèn bỏ thành lớn Vương Xá, xây một thành nhỏ bên cạnh). Thành nhỏ là tân thành, tức thành Hàn Lâm. Do vậy, có thể biết: Sau khi đức Phật diệt độ, thành thị ấy chẳng hưng vượng cho lắm, dần dần suy vi, số người ít ỏi. Sau khi dân chúng đã ít đi, vua A Xà Thế cảm thấy chẳng thuận tiện lắm, bèn bỏ thành cũ, xây một thành mới ở bên cạnh. Thành mới nhỏ hơn, quy mô nhỏ hơn, đấy là thành Hàn Lâm. “*Chân Giải vân: “Bổn Vương Xá thành giả, Thượng Đệ cựu thành dã*” (Sách Chân Giải viết: “Thành Vương Xá vốn là thành cũ Thượng Đệ). “*Bổn*” là nguyên gốc, thành Vương Xá ban đầu là cựu thành. “*Cánh tác tiểu thành giả, Hàn Lâm tân thành dã*” (Lại dựng tiểu

thành chính là thành mới Hàn Lâm), đây là tân thành. “*Thử ký Phật diệt hậu, Xà vương trúc chi, Phật hà trụ hậu thành hồ*” (Thành ấy đã do vua A Xà Thế xây dựng sau khi đức Phật diệt độ, lẽ đâu Phật trụ trong thành sau?) Đức Phật đã viên tịch, làm sao Ngài có thể ngự tại thành sau (thành Hàn Lâm)? Đương nhiên [thành Vương Xá thường được nhắc tới trong kinh] là thành trước (thành Thượng Đệ), thành trước là cựu thành. “*Kim chánh Phật sở trụ xứ, minh tri Thượng Đệ thành dã*” (nay biết rõ nơi đức Phật trụ chính là thành Thượng Đệ), đó là cựu thành, mà cũng là đại thành. “*Thử thuyết khả chứng, Phật thuyết thử kinh thị tại cựu thành*” (lời này đủ chứng tỏ: Đức Phật nói kinh này tại cựu thành).

“*Từ Ân Truyện vân*” (sách Từ Ân Truyện chép), hãy nên biết Từ Ân Truyện là Đại Đường Tây Vực Ký. Từ Ân Truyện là tác phẩm do Huyền Trang đại sư ghi lại những chuyện trong thời gian Ngài lữ du. Trong sách ấy, có một đoạn như thế này: “*Vương Xá cựu thành, xứ Ma Yết Đà quốc trung, cổ tích quân vương đa trụ kỳ nội. Kỳ thành hựu sinh hảo hương mao, cổ cử vi xưng*” (Cựu thành Vương Xá thuộc nước Ma Yết Đà (Magadha), xưa kia quân vương thường ngự trong ấy. Thành ấy lại sanh loại cỏ tranh rất thơm, nên gọi như vậy); vì thế, gọi là Hương Mao thành. “*Hựu Nhật Vọng Tây Sớ viết: Nhược y Tông Gia, ưng thị Thượng Mao*” (Lại nữa bộ Vọng Tây Sớ của Nhật có nói: “Nêu theo ý Tông Gia, [thành Vương Xá] phải là Thượng Mao”). Thượng Mao là cựu thành, Tông Gia là Thiện Đạo đại sư. Người Nhật hết sức sùng kính Thiện Đạo đại sư, thông thường chẳng gọi tên Ngài mà gọi là Tông Gia. “*Vọng Tây sư ý, diệc vị kinh trung chi Vương Xá thành, tức Thượng Mao cựu thành. Thử thuyết khả tín, cổ bất dẫn dị thuyết*” (ý của sư Vọng Tây cũng là thành Vương Xá trong kinh chính là cựu thành Thượng Mao. Thuyết này đáng tin, nên chẳng dẫn thuyết khác). Những vị cổ đức khác cũng có những điểm tranh luận, chẳng cần nhắc tới, chúng ta tin tưởng thuyết này, vì tân thành được xây dựng sau, tức là sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ mới kiến tạo, đức Phật chẳng thể nào ngự tại tân thành, cho nên [thành Vương Xá được nhắc tới trong kinh] phải là cổ thành.

Chúng ta lại đọc đoạn tiếp theo: “*Pháp Hoa Luận vân: Như Vương Xá thành thắng dư nhất thiết thành xá cổ, hiển thử pháp môn tối thắng nghĩa*” (Pháp Hoa Luận chép: “Như thành Vương Xá vượt trội hết thảy các thành thị khác, cho thấy pháp môn này mang ý nghĩa tối thắng”). Đây là nói đến ý nghĩa biểu thị pháp trong nhà Phật, ý nghĩa này rất quan trọng. Người Hoa nói là “*địa linh nhân kiệt*”, nơi ấy có linh khí, nhất định có thánh hiền trụ tại nơi ấy. Chúng

ta học Phật nhiều năm như thế, chúng ta biết đức Phật đã dạy chúng ta một câu rất quan trọng: “*Cảnh chuyển theo tâm*”, “*cảnh*” là hoàn cảnh. Do vậy, chúng tôi đòi lại, “*nhân kiệt địa linh*”, [nghĩa là] nơi đây có thánh hiền trụ thì nơi đây tự nhiên có linh khí, vì sao? Cảnh chuyển theo người. Hai cách nói này đều thông suốt, đều có lý. Nếu nơi này rất linh, nhất định sẽ un đúc, sanh ra thánh hiền, bậc đại thánh, đại hiền sẽ sanh ở nơi đây. Mặt khác, đại thánh đại hiền ở chỗ này, nơi này sẽ tụ tập linh khí. Vì thế, nhân kiệt địa linh hay địa linh nhân kiệt, [nói kiểu nào] cũng đều thông suốt, nhưng ý nghĩa khác biệt. Đức Phật trọn chẳng xuất sanh tại thành Vương Xá, nhưng do đức Phật giảng rất nhiều kinh ở nơi ấy, nên nơi ấy có linh khí. Hơn nữa, trong các nước lớn tại Ấn Độ thời cổ, có thể nói là thành này hưng vượng nhất, là thành thị lớn nhất. Đức Phật giảng kinh tại nơi đây, cho thấy bộ kinh này thù thắng khôn sánh, mang ý nghĩa này. Vì thế, tiếp đó, sách viết: “*Ngũ Thiên Trúc hữu thập lục đại thành*” (Năm xứ Thiên Trúc có mười sáu thành lớn), đây là mười sáu đại quốc vương thường được kinh nhắc tới, họ đều là đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, đều quy y đức Phật, theo Phật học tập, là hộ pháp tại gia của đức Thế Tôn, họ cũng là tại gia đệ tử. Trong mười sáu đại thành ấy, thành Vương Xá lớn nhất, kinh Pháp Hoa giảng tại nơi đây, kinh Vô Lượng Thọ cũng giảng ở chỗ này, giảng chẳng ít kinh tại đây, thời gian đức Phật trụ tại nơi này khá dài.

Tiếp đó, sách lại nói: “*Hựu Đại Bảo Tích Kinh Luận vân: ‘Vấn vân: Hà cổ thử pháp duy Vương Xá thành thuyết, phi dư thành khuếch?’*” (Lại nữa, Đại Bảo Tích Kinh Luận<sup>1</sup> viết: “Hỏi: Vì sao pháp này chỉ nói ở thành Vương Xá, chẳng giảng diễn tại các thành khác?”). Đây là lời vấn đáp được giả lập trong bộ luận ấy, vì sao kinh Đại Thừa Vô Lượng Thọ phải giảng tại thành Vương Xá? Vì sao đức Phật chẳng giảng ở nơi khác? “*Đáp viết: Thích thử pháp môn pháp vương trụ xứ cố. Dụ như Vương Xá, vương sở chỉ trụ, cố danh Vương Xá. Thử pháp môn diệc phục như thị, pháp vương trụ xứ, thích thành thử nghĩa cố, thuyết trụ Vương Xá thành*” (Đáp: Nhằm nói rõ pháp môn này là trụ xứ của đấng Pháp Vương. Ví như thành Vương Xá là chỗ cư ngụ của vua, nên gọi là Vương Xá. Pháp môn này cũng giống như thế, là chỗ cư ngụ của đấng Pháp Vương. Để biểu thị nghĩa này, nên nói là “trụ thành Vương Xá”). Sự, Lý, biểu thị pháp, hoàn toàn tương ứng, “*thử pháp*” là pháp “niệm Phật thành Phật” trong kinh Vô Lượng Thọ. Bởi lẽ, “*pháp vương*” là Phật, kinh này nói về điều

1 Đại Bảo Tích Kinh Luận do ngài An Huệ soạn, được ngài Bồ Đề Lưu Chi dịch sang tiếng Hán vào thời Bắc Ngụy, gồm bốn quyển. Tuy mang tựa đề là Đại Bảo Tích Kinh Luận, phần này chỉ nhằm giải thích hội bốn mươi ba trong kinh Bảo Tích (tức hội Phổ Minh Bồ Tát). Luận này nhằm giải thích danh xưng Bảo Tích, các thứ tà hạnh và chánh hạnh của hàng Bồ Tát.

gì? Trụ xứ của Phật, quý vị học bộ kinh này, trụ trong kinh này, quý vị bèn thành Phật, biểu thị ý nghĩa ấy. Vì thế, sánh ví với Vương Xá. Người Hoa gọi Vương Xá là “hoàng cung”, ai ngự trong hoàng cung? Hoàng thượng ngự. Chỗ hoàng thượng ở gọi là hoàng cung, là vương xá. “*Thử pháp*” (pháp này), ở đây nói, đối với pháp này, cũng giống như thế. Bộ kinh này nói về điều gì? Trụ xứ của chư Phật Như Lai, nói tới điều này, quý vị có thể tiến nhập pháp môn này, sẽ thành Phật, nêu bày ý nghĩa này. Do vậy, nói là “*trụ Vương Xá thành*”, quý vị thấy ý nghĩa này thù thắng dường ấy. Do vậy, nhất định phải hiểu nghĩa thú được biểu thị trong Phật pháp, không cần dùng đến ngôn ngữ, quý vị vừa nhìn, vừa tiếp xúc, liền hiểu rõ. Trong đạo tràng của Phật giáo Trung Quốc, hoàn toàn là biểu thị pháp, nhưng người hiện thời chẳng hiểu. Kiến trúc, hình thức, cho đến màu sắc của đạo tràng, không có gì chẳng nhằm biểu thị pháp. Những gì lục căn của quý vị tiếp xúc toàn là biểu thị pháp. Nếu quý vị thật sự hiểu, chẳng cần nói một câu nào, quý vị vào tự viện, am đường, đi một vòng, Phật pháp ở ngay trong đó, tâm quý vị sẽ đầy ắp. Người hiện thời gọi điều này là “nghệ thuật hóa sự giáo học”, quý vị thấy từ mấy ngàn năm trước, Phật pháp đã đi theo hướng nghệ thuật.

Trước tiên, giới thiệu ý nghĩa biểu pháp của thành [Vương Xá], núi cũng biểu thị pháp. “*Kỳ Xà Quạt sơn, thị Vương Xá thành ngoại ngữ sơn chi nhất. Tịnh Ảnh Sớ viết: Kỳ Xà sơn*” (Núi Kỳ Xà Quạt là một trong năm quả núi ngoài thành Vương Xá. Tịnh Ảnh Sớ giảng: “Núi Kỳ Xà”). Kỳ Xà (Grdhakūta) là tiếng Ấn Độ, là tiếng Phạn, “*thử phiên danh Linh Thứu Sơn dã*” (Hán dịch là núi Linh Thứu). Người Trung Quốc thường nói tới Linh Sơn, “*Linh Sơn nhất hội*” là nói về nơi này. Vì sao gọi là Linh Thứu sơn? “*Thử sơn đa hữu linh tiên cư trụ, cố danh vi Linh*” (Núi này có nhiều bậc linh tiên cư trụ, nên gọi là Linh). Người Hoa gọi là “thánh hiền”, người Ấn Độ gọi là “*linh tiên*”. “*Diệc hữu Thứu cư chi thử sơn*” (Cũng do có chim Thứu sống trong núi này), loài chim này giống như chim ưng, cũng sống trên núi này nên gọi là Thứu. “*Hựu thử sơn đánh tự thứu đầu, hựu danh Thứu Đầu sơn*” (Lại đỉnh núi này giống đầu chim Thứu, nên còn gọi là Thứu Đầu Sơn). Giống như Hương Cảng của chúng ta, mọi người đều biết núi Sư Tử của Hương Cảng. Chúng ta từ Hương Cảng nhìn sang Cửu Long<sup>2</sup>, núi ấy quả thật rất giống một con sư tử nằm phục nơi ấy, chúng ta gọi núi ấy là Sư Tử Sơn. Núi này (núi Kỳ Xà Quạt) cũng có

2 Hương Cảng là một hòn đảo nằm đối diện với bán đảo Cửu Long, cách nhau bởi eo biển Lý Ngư Môn. Đặc khu Hồng Kông gồm ba khu Cửu Long, Tân Giới và đảo Hương Cảng. Khu Tân Giới do chính quyền nhà Thanh cho Anh thuê thêm nhằm mở rộng địa giới đặc khu Hương Cảng, nằm từ phía Bắc giới tuyến bán đảo Cửu Long đến bờ Nam sông Thâm Quyển và 233 hòn đảo lân cận.

chót núi giống như đầu chim ưng, nên gọi là Thửu Đầu Sơn. “*Tây Vực Ký chí thử sơn viết*” (Sách Tây Vực Ký viết về núi này như sau), đây là ghi chép của Huyền Trang đại sư lão nhân gia: “*Bắc Sơn chi dương*”<sup>3</sup> [nghĩa là] phía Bắc thành Vương Xá, phía Bắc của núi ấy, “*cô tiêu đặc khởi, ký thể thửu điểu, hựu loại cao đài, không thúy tương ánh, nùng đạ phân sắc*” (núi đột nhiên cao vót lên như chim Thửu đậu, cũng giống như cái đài cao. Sắc núi biếc in lên không trung, đậm nhạt rõ nét). Có thể thấy vẻ đẹp của núi ấy qua lời hình dung của Huyền Trang đại sư. “*Như Lai ngự thế thùy ngũ thập niên*” (Như Lai ngự trong cõi đời năm mươi năm), tức là Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thuyết pháp bốn mươi chín năm. Trong bốn mươi chín năm ấy, “*đạ cư thử sơn, quảng thuyết diệu pháp*” (thường ở núi ấy, thuyết nhiều diệu pháp). Trong một đời Ngài, thời gian đức Phật trụ tại chỗ này lâu nhất; vì thế, giảng rất nhiều kinh ở nơi đây.

“*Trí Độ Luận viết: Kỳ sơn u ngũ sơn trung tối thắng cố*” (Trí Độ Luận nói: “Núi Kỳ Xà Quật thù thắng nhất trong năm quả núi”). [Sở dĩ, thù thắng nhất là vì]: Thứ nhất, “*thử sơn tinh xá, cận thành nhi nan thượng*” (tinh xá trong núi này gần thành, nhưng khó lên), núi rất hiểm trở, không dễ gì trèo lên được. “*Cận thành cố khát thực bất bì*” (gần thành nên khát thực chẳng vớt vả), thửu ấy đối với nơi cư trụ, giảng học, đức Thế Tôn chọn lựa chỗ gần thành thị hoặc hương trấn, vì sao? Mọi người đều ra ngoài ôm bát khát thực, nếu ở quá xa sẽ chẳng thuận tiện. Cách xa khoảng ba dặm đường là thích hợp nhất. Ba dặm đường thì khát thực khá thuận tiện. “*Nan thượng cố tạp nhân bất lai*” (do khó lên nên hạng người tạp nhạp chẳng đến). Do vậy, vào thời cổ, tại Trung Quốc, tự viện, tùng lâm đều được xây dựng trên núi cao, cũng do ý nghĩa này. Người bình thường chẳng có chuyện gì, chẳng muốn trèo lên núi, vì sao? Lên núi ấy cũng tốn thời gian tối thiểu chừng nửa ngày, người ta phải làm việc nửa ngày, đâu có thời gian rảnh rỗi để trèo lên núi ấy? Tự viện, am đường thửu ấy, thời đức Phật không có tự viện, đức Phật luôn ở trong núi rừng, nghỉ dưới cội cây, giữa trưa ăn một bữa, không có chỗ trụ cố định, nhưng luôn ở trong một khu núi, vừa thuận tiện khát thực, mà cũng chẳng quá xa, nên có thể hiểu rõ tình trạng sống của họ. Thứ hai, “*thị Kỳ sơn phước đức cát xứ*” (núi Kỳ Xà Quật là chốn phước đức cát tường), vì sao? Chỗ ấy “*chư thánh nhân hỷ trụ xứ, Phật vi chư thánh chủ cố đạ trụ*” (là chỗ các vị thánh nhân thích ở. Đức Phật là chúa các vị thánh, nên hay ngự ở đây). Các vị thánh hiền đều chuộng tu hành ở

3 Dương là phía Nam của núi, nhưng đối với sông thì Dương lại là phía Bắc. “*Bắc sơn chi dương*” (tức là phía Nam của phía Bắc núi). Nói cho rõ hơn là phía Bắc núi này có chót núi, nhưng vách phía Nam của chót núi ở phía Bắc ấy.

nơi này, đức Phật cũng chẳng rời họ. Những vị ấy, hiền nhân, La Hán, Bồ Tát đều thường hướng về đức Phật thỉnh giáo, nếu đức Phật trụ quá xa, cũng chẳng thuận tiện cho họ. Vì hướng dẫn những vị này, nên đức Phật cũng hay ngự tại nơi này. Đây là nguyên nhân thứ hai, [khiến cho núi này] được gọi là “*phước đức cát xứ*”. Thứ ba, “*Kỳ Xà sơn thị tam thế chư Phật trụ xứ cố*” (núi Kỳ Xà là trụ xứ của tam thế chư Phật), đây là một nơi được quá khứ, hiện tại, vị lai Bồ Tát thành Phật chọn lựa để tu hành, giáo học, giảng kinh, truyền pháp, là một nơi rất thích đáng. Do vậy, chư Phật đều thích chỗ này.

Thứ tư, “*thị trung thanh tịnh, hữu phước đức, nhàn tĩnh cố*” (do trong núi ấy là nơi thanh tịnh, có phước đức, vắng vẻ). Núi này thanh tịnh, thích hợp để dưỡng đạo. Kinh Phật thường nói A Lan Nhã. A Lan Nhã (Aranya) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán Tịch Tĩnh xứ (chốn vắng lặng, yên tĩnh). A Lan Nhã cũng có tiêu chuẩn, thời cổ, những nơi như vậy quá nửa là lấy nông nghiệp làm [phương thức sinh nhai] chủ yếu. Làm ruộng chẳng thể không có trâu cày, tiếng trâu kêu rất to. Nơi họ (những người tu hành) ở không nghe thấy tiếng trâu kêu trong nông thôn, nên cũng rất thanh tịnh, hoàn toàn khác với xã hội hiện thời. Trong xã hội hiện tại, gần như tìm không được nơi thanh tịnh, trên núi cao còn có tạp âm của máy bay. Vì thế, con người trước kia thật sự có phước báo. Hiện thời, khoa học kỹ thuật phát triển, con người chẳng còn phước báo nữa. Chúng ta chớ nên không biết điều này. “*Nhất thiết chư Phật hành xứ, thập phương chư Bồ Tát tán thán cung kính, bát bộ đại lực chúng thần sở thủ hộ, cung kính cúng dường xứ cố. Chư Đại Thừa kinh đa tại thử sơn thuyết*” (là hành xứ của hết thầy chư Phật, là nơi được mười phương chư Bồ Tát cung kính, khen ngợi, tám bộ đại lực chúng thần thủ hộ, cung kính, cúng dường. Các kinh Đại Thừa phần nhiều được nói tại núi này). Đây là nói: Đúng như thế, trên núi này, có nhiều thần tiên, nhiều thánh nhân, có thần hộ pháp cung kính cúng dường nơi ấy. Vì thế, đức Phật nói rất nhiều kinh Đại Thừa tại nơi ấy. Chúng ta xem điều thứ năm, tức điều cuối cùng: “*Thị trung thập phương vô lượng trí huệ phước đức lực đại Bồ Tát, thường lai kiến Thích Ca Mâu Ni Phật, lễ bái, cung kính thỉnh pháp cố. Chư Đại Thừa kinh đa tại thử sơn thuyết*” (Trong núi này, mười phương vô lượng đại lực, trí huệ, phước đức Bồ Tát thường đến gặp Thích Ca Mâu Ni Phật, lễ bái, cung kính nghe pháp. Các kinh Đại thừa phần nhiều giảng tại núi này). Nêu ra những nhân duyên khiến cho thưở Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế đã ngự tại núi này giảng kinh, thuyết pháp trong một thời gian dài. Núi này hết sức có duyên phận với đức Phật. Pháp Hoa Luận cũng nói: “*Kỳ Xà Quật sơn thắng dư chư sơn. Phật tại u thử thuyết, hiển thử pháp tối thắng. Cố bốn kinh tức tại thử sơn thuyết*” (Núi Kỳ Xà Quật vượt trội các

núi khác, đức Phật thường ngự ở đây thuyết pháp nhằm hiển thị pháp này là tối thắng. Vì lẽ đó, kinh này được nói tại núi này). Đây là dẫn chứng kinh điển nhằm giới thiệu nơi chốn đức Phật nói kinh này, hòng chứng tín với chúng ta: Thật sự có một nơi để thuyết pháp.

Chúng ta xem câu kệ đó: *“Dữ đại tỳ-kheo chúng vạn nhị thiên nhân câu”* (cùng với các vị đại tỳ-kheo một vạn hai ngàn người cùng nhóm họp), đó là thính chúng. *“Bốn phẩm độc tiêu tỳ-kheo chúng cập Bồ Tát chúng”* (phẩm này chỉ nêu tỳ-kheo chúng và Bồ Tát chúng). Khi cụ Hạ hội tập bộ kinh này, đã chia phần Chúng Tín thành hai phẩm, kinh văn rất dài, trong phẩm thứ nhất, thính chúng chỉ nói đến tỳ-kheo chúng và Bồ Tát chúng, số người không nhiều! Phẩm thứ hai, *“đệ nhị phẩm mật quảng tiêu dư tam chúng đệ tử, cập chư thiên chúng”* (cuối phẩm thứ hai sẽ nêu đủ ba chúng đệ tử và các thiên chúng:), kinh văn được trích dẫn ở đây, *“Hữu hữu tỳ-kheo-ni ngũ bách nhân, thanh tín sĩ thất thiên nhân”* (lại có năm trăm tỳ-kheo-ni, bảy ngàn thanh tín sĩ), đây là tại gia cư sĩ; “thanh tín nữ” là tại gia nữ cư sĩ, có năm trăm người, có *“Dục Giới thiên, Sắc Giới thiên, chư thiên, Phạm chúng, tất cộng đại hội”* (Dục Giới thiên, Sắc Giới thiên, chư thiên, Phạm chúng đều cùng nhóm họp trong đại hội). Cuối kinh lại có một đoạn văn như thế này: *“Chư Bồ Tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành”* (các vị Bồ Tát, Thanh Văn, trời, rồng tám bộ, hết thảy đại chúng nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ lớn, tin nhận, vâng làm). Từ sự ghi chép này, chúng ta biết pháp hội này rất thù thắng, ngay cả trời người trong tam giới đều đến tham dự. *“Khả kiến thuyết kinh thời, hội trung hữu chư đại Bồ Tát, Thanh Văn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thanh tín sĩ, thanh tín nữ, trực chí chư thiên, Phạm chúng”* (có thể thấy lúc Phật thuyết kinh, trong hội có các đại Bồ Tát, Thanh Văn, tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, thanh tín sĩ, thanh tín nữ, cho đến chư thiên, Phạm chúng), đây là Đại Phạm Thiên, *“thiên long bát bộ”* thảy đều đến nghe pháp, *“hàm lai thính pháp, thử nữi Lục Thành Tựu trung chi Chúng Thành Tựu”* (đều đến nghe pháp. Đây chính là Chúng Thành Tựu trong sáu thứ thành tựu), quý vị thấy có những người nào tham gia pháp hội này. *“Hội trung, hữu Bồ Tát, Thanh Văn, chư thiên nhân đẳng”* (trong pháp hội có Bồ Tát, Thanh Văn, các hàng trời người v.v...) và những người ở trên thế giới này, địa cầu này, *“tứ chúng đệ tử nhị vạn nhân đồng văn, phi thị A Nan độc văn, thị khả chứng tín”* (tứ chúng đệ tử một vạn hai ngàn người cùng nghe, chẳng phải chỉ mình A Nan được nghe, điều ấy đủ để chứng tín vậy). Chẳng phải là một mình A Nan nghe! Khi ấy, bọn phàm phu mắt thịt chúng ta trông thấy những người phàm. [Chỉ riêng] những người phàm mà đã đông hơn hai vạn, pháp hội này thù thắng quá!



Tiếp đó, lại nói chi tiết, giải thích. Trước hết, nói tỳ-kheo là gì? “*Dữ đại tỳ-kheo*”, “*dữ giả, cộng đồng chi nghĩa*” (và các đại tỳ-kheo: Dữ (與) có nghĩa là cùng chung). Rất nhiều vị đại tỳ-kheo tham gia pháp hội này, “*biểu Phật dữ đại chúng cộng tại hội trung*” (biểu thị Phật cùng đại chúng cùng ở trong hội), đều ở trong đại hội này. “*Tỳ-kheo thị Phạn ngữ, danh hàm tam nghĩa, cố bất phiên*” (Tỳ-kheo (Bhiksu) là tiếng Phạn, danh từ này bao hàm ba ý nghĩa, nên chẳng dịch). Tại Trung Quốc, chẳng tìm được danh từ thích đáng để phiên dịch, nên dịch âm rồi ghi thêm lời giải thích. Danh từ này có ba ý nghĩa:

- Thứ nhất là Khất Sĩ. Khất (乞) là xin xỏ, người Hoa gọi họ là Khất Cái (乞丐 : ăn mày). Khất cái xin cơm ăn, nhưng là Sĩ. Sĩ (士) là người có đạo đức, có học vấn, đúng là mỗi ngày họ đi khất thực. Tại Trung Quốc vào thời cổ, nhân dân được chia thành bốn giai cấp “sĩ, nông, công, thương”, địa vị trong xã hội khác nhau. Sĩ là người đọc sách, được thế gian tôn trọng nhất. Tuy người đọc sách chẳng có địa vị, cũng chẳng có của cải, nhưng được mọi người tôn kính, vì sao? Người ấy đọc sách hiểu lý, người Hoa tôn trọng họ. Trước đây, đọc sách đúng là đọc sách thánh hiền, từ nhỏ, vỡ lòng đã đọc sách thánh hiền, hiểu lý, hiểu sự. Mãi cho đến đời Hán, nhằm thời Hán Vũ Đế, người đọc sách mới có lối ra (được trọng dụng), vì sao? Quốc gia cần quý vị. Chư vị phải biết: Trung Quốc được thống nhất là do Tần Thủy Hoàng thống nhất. Tuy đã thống nhất, xã hội động loạn, cũng có nghĩa chẳng phải là đời thịnh trị an định đích thực, không có! Mãi cho đến đời Hán, Hán Vũ Đế là vị hoàng đế thứ bảy [của nhà Hán] mới chính thức đi theo phương hướng chế độ hóa, quốc gia thống nhất, cần nhân tài giúp đỡ nhà vua cai trị. Hình thành một nước lớn thật sự, chẳng phải là tiểu quốc, những chư hầu giống như thời cổ hoàn toàn không còn nữa, [các nước chư hầu] đều biến thành quận, huyện; quận giống như tỉnh<sup>4</sup> hiện thời. Dưới tỉnh có huyện, đối với các nhân viên công vụ thuộc các tầng lớp ấy, cần phải có nhân tài. Tìm người ở đâu? Tìm người đọc sách. Vì thế, học giỏi sẽ là Sĩ. Sĩ là vì quốc gia phục vụ, tiếp nhận chức vụ do đế vương [giao phó]. Vì vậy, hình thành chế độ khảo thí.

4 Khái niệm chia nước thành tỉnh chỉ thật sự xuất hiện từ đời Minh trở đi. Trước đó, đất nước được chia thành quận, huyện, châu, hành châu, đạo, đô hộ phủ, lộ. Thoạt đầu, Tỉnh có nghĩa là một cơ quan công vụ trung ương, chẳng hạn Thượng Thư Tỉnh, Trung Thư Tỉnh, Môn Hạ Tỉnh. Đến đời Nguyên, mới thành lập những cấp hành chính địa phương gọi là Hành Trung Thư Tỉnh (gọi tắt là Hành Tỉnh) trực thuộc Trung Thư Tỉnh, nhưng có toàn quyền xử lý sự vụ tại địa phương. Đến đời Minh, chữ Hành trong Hành Tỉnh bị lược bỏ, chỉ gọi là Tỉnh, đồng thời chế độ Tam Tỉnh (Thượng Thư Tỉnh, Trung Thư Tỉnh, Môn Hạ Tỉnh) ở Trung Ương bị phế trừ, Tỉnh ở các địa phương trở thành cơ quan hành chính độc lập, tuy vẫn phải nghe theo lệnh trung ương, nhưng quyền hạn rộng rãi rất nhiều, và khu vực quản hạt của Hành Tỉnh; do đó cũng được gọi là Tỉnh. Từ đó, cả nước được chia thành mười sáu tỉnh. Huyện trở thành đơn vị trực thuộc tỉnh. Đến đời Thanh lại chia nhỏ hơn thành năm mươi hai tỉnh.

Do vậy, đối với người đọc sách trong nước, học hành là chuyện thuộc về gia đình, là gia học, dạy dỗ trong nhà, tư thực là trường học dành cho con em trong gia đình. Bởi lẽ, xưa kia, Trung Quốc từ cổ lấy nông nghiệp để lập quốc, luôn là đại gia đình, người càng đông, càng dễ làm lụng, ít người sẽ bị khó khăn, đông người sẽ dễ kiếm sống. Do vậy, để con em trong gia đình có thể học hành, nhất định phải mời thầy về dạy trong nhà; vì thế, tư thực là trường học của con em trong gia đình. Học hành rất khó, sẽ tham gia các kỳ thi của chánh phủ, huyện khảo (thi cử cấp huyện). Thi đậu trong cuộc thi tại huyện sẽ gọi là Tú Tài, tức là quý vị đã được chọn; nhưng vẫn có tuyển cử, tuyển cử cũng là chế độ được đặt ra vào thời Hán Vũ Đế, quan viên địa phương phải tuyển nhân tài cho quốc gia. Tuyển những ai? Chọn từ nhi đồng, chọn lấy đồng tử. Đồng tử nghĩa là chưa thành niên. Tại Trung Quốc, “*thành niên*” là hai mươi tuổi. [Tuyển đồng tử] là phỏng vấn, điều tra những kẻ chưa tròn hai mươi tuổi, quan viên xưa kia chẳng giống hiện thời có TV, có hình chụp, quý vị biết mặt, trước kia [dân chúng] không biết [mặt mũi quan viên]. Nếu ông ta chẳng mặc quan phục, quý vị sẽ chẳng biết ông ta là quan. Ông ta mặc thường phục, đi thăm dò, tuyển nhân tài cho quốc gia. Tiêu chuẩn tuyển nhân tài là gì? Chính là hai chữ “*hiếu liêm*”. Chọn lấy kẻ hiếu liêm, [nghĩa là] đứa nhỏ này hiếu thảo với cha mẹ, ở nhà có thể hiếu thảo với cha mẹ thì đối với quốc gia sẽ có thể tận trung, trung với đất nước, trung với nhân dân. Điều kiện thứ hai là liêm khiết, liêm khiết sẽ chẳng tham ô. Quý vị thấy quốc gia chọn người để dùng dựa trên hai chữ: Một là Hiếu, hai là Liêm. Thi đậu huyện khảo (thi Hương) là Tú Tài, sẽ chẳng cần phải lo lắng về cuộc sống, quốc gia ban cho quý vị một phần bổng lộc, thửa ấy là cấp gạo. Quý vị đọc Liễu Phàm Tứ Huán, [sẽ thấy] tiên sinh Liễu Phàm thi đậu Tú Tài, một năm được nhận chín mươi mấy thạch gạo, sống được, chẳng phải lo lắng. Chăm chỉ học hành, chuyên tâm học hành, lại tham gia khoa thi của tỉnh (tỉnh khảo, thi Hội). Đỗ khoa thi của tỉnh sẽ là Cử Nhân. Những kẻ ưu tú, Cử Nhân đặc biệt ưu tú, đều có thể được bổ nhiệm làm huyện trưởng, hiện thời gọi [chức vụ này] là huyện thị trưởng, hoặc làm những mặc liêu<sup>5</sup> cao cấp, tương đương với chức bí thư trưởng hiện thời, là mặc liêu bậc nhất. Lại đi thi, vừa nhậm chức, vừa học hành, còn có thể tham gia cuộc khảo thí của quốc gia gọi là Điện Thí (thi Đình), thi đỗ sẽ gọi là Tiến Sĩ. Thời đó, Tiến Sĩ, Cử Nhân, Tú Tài đều là danh xưng học vị, là học vị thời cổ, giống như các danh xưng học vị Tiến Sĩ, Thạc Sĩ, Học Sĩ trong nhà trường hiện thời. Thi đậu Tiến Sĩ thường được trung ương bổ nhiệm. Nhân tài của đất nước được bồi dưỡng như vậy. Mãi cho đến đời Mãn Thanh, gần như chế độ này được áp dụng

5 Mặc liêu: Phụ tá, cộng sự của các trưởng quan.

trong hai ngàn năm. Hai ngàn năm đã thay đổi triều đại bao nhiêu lần, nhưng chế độ này chẳng biến đổi, bất luận kẻ nào làm hoàng đế đều dùng phương pháp này để chọn lựa nhân tài. Bởi lẽ, đây là một chế độ rất tốt đẹp, đã duy trì Trung Quốc suốt hai ngàn năm, khiến lịch sử ghi chép [Trung Quốc là một nước] ổn định lâu dài, đó là [quy chế] hiếu liêm. Chế độ này hay lắm! Chế độ này rất trọng yếu, cho nên tuyên cử hiếu liêm. Hiếu liêm là từ nhỏ đã học trong gia đình, học từ trường tư thực, cha mẹ dạy bảo, thầy dạy bảo quý vị: Trung và hiếu là nhất thể. Liêm là không cho sẽ chẳng lấy, trong Phật pháp nói là “chẳng trộm cắp”, quý vị mới có thể tận trung giữ chức, giống như Mao Chủ Tịch đã nói: “*Toàn tâm toàn lực vì nhân dân phục vụ*”. Nếu chẳng có hai chữ ấy, kẻ ấy chẳng vì nhân dân phục vụ, sẽ vì chính mình mà phục vụ, vấn đề ấy vô cùng nghiêm trọng.

Do vậy, Khất Sĩ, Sĩ là người đọc sách, thật sự có học vấn, có đức hạnh, bản thân Thích Ca Mâu Ni Phật cũng là khất sĩ. “*Vị khất thực, khất pháp. Khất thực vị ký xuất gia dĩ, khất cầu tự hoạt, bất sự kinh doanh, vô sở trữ tích. Vạn duyên câu phóng, nhất ý thanh tu, cố viết khất thực dưỡng thân*” (Tức là khất thực, khất pháp. Khất thực là đã xuất gia rồi thì xin ăn để nuôi thân, chẳng làm ăn, không tích chứa, bỏ hết vạn duyên, một dạ thanh tu, nên nói: “Xin ăn để nuôi thân”). Thân thể chúng ta sống trong thế gian này, cần phải có điều kiện cơ bản sinh tồn, điều đầu tiên là ăn uống. Những người tu hành, đọc sách, tu dưỡng đạo đức, chẳng theo đuổi sự nghiệp kinh doanh, họ sống bằng cách nào? Sống bằng cách khất thực, đi xin từng nhà. Người Hoa trọn chẳng tôn trọng kẻ ăn mày, trong xã hội, ăn mày có địa vị thấp nhất, gọi là “bần tiện”, Bần (貧) là chẳng có của cải, Tiện (賤) là chẳng có địa vị xã hội. Nhưng người khất thực khác hẳn, có học vấn, có đức hạnh, nên tại Ấn Độ, hết sức tôn kính loại người này, chỉ cần gặp, nhất định sẽ cúng dường. Vì thế, khất thực tại Ấn Độ vào thời cổ, cũng như tại Thái Lan hiện thời, theo Phật giáo Nam Truyền, không có vấn đề gì, người ta thật sự cúng dường quý vị. Hiện thời, tại Trung Quốc, [khất thực] cũng rất khó khăn. Quý vị chẳng thể khất thực tại Hương Cảng, không có ai cúng dường quý vị! Vì thuở ấy tại Ấn Độ, theo phong tục, tập quán, mọi người rất tôn trọng những người [tu hành] ấy, cho nên họ sống theo cách ấy, giữa trưa ăn một bữa. Khất thực mà phải một ngày đi xin ba lượt sẽ làm phiền người ta, quý vị còn tu hành gì được nữa? Suốt ngày từ sáng đến tối ra ngoài tìm thứ gì để ăn, cũng chẳng tránh khỏi là quá tham lam! Vì thế, đức Phật quy định ăn một bữa, mọi người càng tôn kính.

Ăn một bữa, có đủ hay không? Đủ! Thân thể chúng ta là một cỗ máy, để cỗ máy ấy hoạt động cần phải có năng lượng. Khởi nguồn của năng lượng là ẩm thực. Ẩm thực là nguồn cội để bổ sung năng lượng; nhưng máy móc có máy hao xăng, có máy đỡ tốn xăng, rốt cuộc tiêu hao năng lượng ở chỗ nào? Chín mươi lăm phần trăm là tiêu hao bởi vọng niệm. Phiền não và vọng niệm tiêu hao năng lượng rất nhiều, quý vị phải bổ sung với một mức độ lớn; ba bữa vẫn chưa đủ, còn phải ăn điếm tâm. Nếu tâm địa thanh tịnh, không có tạp niệm, một bữa là đủ, khẳng định đã đủ rồi! Dầu lao tâm, lao lực, khối lượng công việc nhiều đến mấy, tiêu hao năng lượng ít ỏi. Năm xưa tôi cầu học, thân cận thầy Lý tại Đài Trung, tức lão cư sĩ Lý Bình Nam, khối lượng công việc của lão nhân gia, nói chung, tối thiểu phải bằng năm người, thầy phải làm công việc của năm người. Nếu quý vị muốn gặp thầy, nhất định phải hẹn trước một tuần. Nếu không, thầy chẳng có thời gian, thời gian của thầy đã sắp xếp kín hết rồi. Khối lượng công việc to như thế, mỗi ngày thầy chỉ ăn một bữa, bắt đầu từ năm ba mươi mấy tuổi, mãi cho đến khi chết già, mấy chục năm! Mỗi bữa lại còn ăn rất ít, mạn đầu bé xíu. Mỗi bữa thầy ăn hai cái mạn đầu (bánh bao không nhân), mỗi cái to bằng quả trứng gà! Thưa quý vị, tiền chi dụng mỗi ngày là hai đồng Đài Loan, một tháng là sáu mươi đồng. Sáu mươi đồng chỉ bằng khoảng một dollar mấy chục xu. Thời đó, hình như một dollar bằng bốn chục đồng Đài Loan, một dollar rưỡi là tiền chi dụng hằng tháng của thầy. Không dễ dàng! Là tại gia cư sĩ, nhưng lão nhân gia hành trì cả đời giống hết như người xuất gia, nhưng chẳng mặc y phục của người xuất gia!

Tôi theo học với lão nhân gia tại Đài Trung, trước khi đến Đài Trung, tôi đã học Phật khoảng hơn một năm. Tôi học Phật nửa năm bèn ăn chay, giữ trường trai, khoảng một năm rưỡi, tôi luyện tập bỏ bữa tối, mỗi ngày ăn hai bữa. Đến Đài Trung, thấy thầy [hành trì như vậy], tôi nói tôi phải nên học theo Ngài, cũng học giữa trưa ăn một bữa. Tôi học đến tháng thứ tám mới trình với thầy, thưa với thầy, tôi nói: “Mỗi ngày con ăn một bữa”. [Thầy hỏi] “đã bao lâu?” “Tám tháng rồi!” “Thế nào? Thân thể có cảm giác chẳng thoải mái hay chẳng?” “Thưa không! Rất bình thường”. Thầy vỗ bàn: “Hãy vĩnh viễn giữ như thế. Vì sao? Cuộc sống đơn giản, suốt đời chẳng phải cầu cạnh ai”. Cổ nhân Trung Quốc nói rất hay: “*Nhân đạo vô cầu, phẩm tự cao*” (con người đạt tới mức không mong cầu, phẩm hạnh tự cao), buông xuống vạn duyên! Nhưng mỗi bữa tôi ăn nhiều hơn thầy, rốt cuộc là trẻ tuổi, tu dưỡng chẳng bằng thầy, khối lượng công việc của tôi chẳng nhiều như thầy, nhưng mỗi bữa tôi phải ăn ba cái mạn đầu. Chi dụng mỗi ngày phải dùng tới ba đồng, một tháng tốn chín mươi đồng, còn thầy sáu mươi đồng là được rồi, chúng tôi không có cách nào, làm

không được! Do vậy biết: Tâm vị lão nhân ấy thanh tịnh, chẳng có tạp niệm. Cụ bảo tôi: Cụ bắt đầu [hành trì như vậy] khoảng ba mươi sáu, ba mươi bảy tuổi. Khi tôi quen biết thầy, cụ đã bảy mươi tuổi, cụ mất năm chín mươi bảy tuổi. Tôi ở cùng với thầy, cụ đã bảy mươi mà thoát nhìn như người năm mươi mấy tuổi. Chúng ta còn thấy tám hình do ông Giang Dật Tử chụp cho thầy ngồi dưới một gốc cây to, cụ ngồi nơi đó, hình chụp năm cụ chín mươi tuổi, quý vị thoát nhìn ngỡ cụ chừng sáu mươi mấy tuổi. Vì thế, biết: Khỏe mạnh chẳng do ăn những thứ tốt lành. Thầy Lý ăn những thứ vô cùng đơn giản, do chính mình nấu, chẳng có ai chăm sóc, tự mình chăm sóc mình, ăn ở do chính mình lo liệu, tự mình nấu cơm, rửa chén, rửa niêu, giặt quần áo. Chúng tôi tiếp xúc, không thể chẳng bội phục cụ. Chín mươi lăm tuổi cụ mới chịu để cho hai đồng học chăm sóc, trước khi chín mươi lăm tuổi, chẳng có ai chăm sóc, cho thấy thân thể cụ khỏe mạnh nên mới có thể tự lo liệu. Vì thế, thầy đã nêu gương cho chúng tôi. Đức Phật dạy chúng ta khát thực nuôi thân, quý vị mới thật sự có thể buông xuống được, thật sự chẳng có phiền não.

*“Khất pháp giả, tham sự phỏng đạo, lộ túc phong xan, tuân cầu diệu pháp, kỳ thành thánh quả, cố viết, khất pháp dưỡng tâm”* (Khất pháp là tìm thầy hỏi đạo, năm sương dãi gió, tìm cầu diệu pháp mong thành thánh quả, nên nói là: “Khất pháp để dưỡng tâm”). Người sống trong thế gian, thật sự giác ngộ thì điều gì trọng yếu nhất? Đạo trọng yếu nhất. Nhà Phật nói như vậy, mà cổ thánh tiên hiền Trung Quốc cũng nói một câu, lúc đó, Phật pháp chưa truyền tới Trung Quốc. Quý vị thấy Phu Tử đã nói: *“Triêu văn đạo, tịch tử khả hỹ”* (sáng nghe đạo, tối chết cũng đành), chẳng sống uổng; bởi lẽ, cổ nhân học hành vì trọng đạo. Người hiện thời học hành, hiện thời tới trường là vì lẽ nào? Để trong tương lai sẽ có công việc tốt trong xã hội, phát đạt, vinh hoa, phú quý, nhằm mục đích này. Bậc thánh hiền không có quan niệm này, Khổng Tử cả đời thật sự sống nghèo hèn, chẳng có của cải, cũng không có địa vị, là dân nghèo. Ngài làm quan Tư Khấu<sup>6</sup> nước Lỗ, nước Lỗ hiện thời là huyện Khúc Phụ, Tế Nam là nước Tề. Thuở đó, nước Lỗ là một huyện hiện thời, vua nước Lỗ chẳng phải là huyện trưởng hiện thời ư? Làm quan Tư Khấu nước Lỗ ba tháng, bị người ta hạ bệ, vì sao? Ngài muốn làm một vị quan tốt. Quý vị muốn làm một ông quan tốt, vì nhân dân phục vụ; còn kẻ khác muốn vì công danh, phú quý của chính mình,

---

<sup>6</sup> Tư Khấu là một chức quan được thiết lập từ thời Tây Châu, địa vị kém Tam Công (Thái Sư, Thái Phó, Thái Bảo), ngang hàng với Lục Khanh (Thái Tể, Thái Tông, Thái Sử, Thái Chúc, Thái Sĩ, Thái Bốc). Tư Khấu cùng với Tư Mã, Tư Không, Tư Sĩ, Tư Đồ hợp thành Ngũ Quan. Chức Tư Khấu chuyên chưởng quản nhà giam, lo việc kiểm soát trị an, an ninh nội chánh, kể cả tư pháp, tương đương với chức Hình Bộ Thượng Thư sau này. Tại các nước chư hầu như Sở, Trần v.v... chức quan này được gọi là Tư Bại.

quý vị sẽ đụng chạm kẻ ấy, chẳng giống như kẻ ấy, còn có thể tiếp tục làm nữa hay chẳng? Do vậy, Khổng Tử thông minh, từ chức, không làm nữa, về nhà dạy học, lo giảng dạy, dạy năm năm, qua đời. [Sau này], Hán Vũ Đế chấp nhận đề nghị của Đông Trọng Thu, Hán Vũ Đế muốn thống trị quốc gia, dạy bảo dân chúng; lúc ấy, đối với chư tử bách gia, dùng phương pháp của ai để dạy? Đông Trọng Thu<sup>7</sup> đề nghị Khổng Mạnh, Hán Vũ Đế chấp nhận, bèn dùng đạo Khổng Mạnh làm quan niệm chủ yếu để giáo dưỡng nhân dân trong nước, tôn Khổng Tử làm Vạn Thế Sư Biểu. Khổng Tử lúc sống có năm mộng cũng chẳng nghĩ tới! Nếu nghĩ đến chuyện này, cần gì phải làm quan? Cần gì phải chu du liệt quốc? Giáo học thật hay! Chuyện này có người đã nghĩ tới, Thích Ca Mâu Ni Phật đã nghĩ tới. Quý vị thấy Ngài ba mươi tuổi khai ngộ, sau khi khai ngộ không làm quốc vương, mà dạy học, dạy suốt bốn mươi chín năm, bảy mươi chín tuổi viên tịch. Phật pháp gọi con đường mà bậc thánh hiền đã đi là “*thành Phật chi đạo*” (con đường thành Phật). Khổng Tử đến tuổi già bất đắc chí, một dạ mong làm quan để thi thố quan niệm ái dân, ái quốc của Ngài, nhưng chẳng có ai dùng, bất đắc dĩ trở về quê nhà dạy học. Về quê hương năm ấy, Ngài đã sáu mươi tám tuổi, bảy mươi ba tuổi mất, dạy học năm năm. Quý vị thấy Ngài dạy học năm năm, trở thành Vạn Thế Sư Biểu, đấy là sự nghiệp thánh hiền. Tại Ấn Độ, [điều này được gọi] là “*thành Phật chi đạo*”, tại Trung Quốc là sự nghiệp thánh hiền. Chẳng phải là bậc thánh hiền sẽ chẳng thấy!

Nói theo bây giờ, con đường này rất khó đi, quý vị thiếu quyết tâm, không có nghị lực, chẳng thể chịu khổ, sẽ đi chẳng lọt! Không chỉ chịu khổ, mà còn phải chịu hết mọi nỗi khuất nhục thì mới có thể đi trót lọt. Tôi đi theo con đường này năm mươi chín năm, rất nhiều đồng học biết, chẳng phải là dễ đi. Trước lúc bảy mươi tuổi, người đến kiếm chuyện nói chung đặc biệt nhiều. Sau bảy mươi tuổi, đỡ hơn một tí, vì bảy mươi tuổi, sắp đi, Khổng Tử bảy mươi ba tuổi đã mất, bảy mươi tuổi gần như là xong rồi! Mọi người buông tha quý vị, chứ trước khi bảy mươi tuổi, người ta chẳng buông tha! Do vậy, con đường này cũng rất khó đi, sau khi đi hết, quý vị sẽ thành Phật, thành Bồ Tát, thành thánh, thành hiền. Nếu quý vị chẳng thể chịu khổ, bị kẻ khác chướng ngại, chướng nạn, nói thật ra, chẳng phải là ai khác, mà là chính mình. Bất luận kẻ khác hủy báng

---

7 Đông Trọng Thu (179-104 trước Công Nguyên), là một nhà tư tưởng, triết gia, chính trị gia, và là một nhà giáo dục, quê ở Quảng Xuyên (nay là huyện Táo Cường, tỉnh Hà Bắc), tinh thông Xuân Thu Công Dương Truyện, là bậc đại sư về Kim Văn Kinh, nổi danh ngang hàng với Khổng An Quốc. Từ bé, ông nổi tiếng chăm học, do tinh thông Công Dương Truyện nên về sau được Hán Cảnh Đế phong tặng danh hiệu Bác Sĩ. Khi Hán Vũ Đế hạ chiếu cầu hiền, bài đối sách (sớ trả lời) của ông chủ trương tôn sùng Khổng học, biến Khổng học thành tư tưởng chỉ đạo chính thống, áp dụng phương hướng “*tiền đức, hậu hình*” (trước hết dùng đức để cảm hóa, rồi mới dùng đến hình phạt) rất được Vũ Đế tán thưởng. Ông cũng đề xướng trung ương tập quyền, hình thành tư tưởng đế chế.

cũng thế, mà làm nhục cũng thế, hãm hại cũng thế, đều là tốt, đều là các trạm kiểm soát liên tiếp, khảo thí đấy! Nếu quý vị vượt qua được, [những người ấy] sẽ là những vị thầy tốt. Không có những người đó, làm sao quý vị được mài giũa nên người? Quý vị làm sao có thể bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, Thiền Định, Bát Nhã? Đều do vượt qua những trạm kiểm soát mà thành. Sau đấy, ta sẽ cảm ơn những người ấy; không có họ, làm sao quý vị thành tựu cho được?

Xưa nay, trong ngoài nước, nói đến chuyện thành tựu thuận buồm xuôi gió, tuyệt đối chẳng tìm được, há có ai được vậy? Phật cũng không được! Quý vị thấy cả đời Thích Ca Mâu Ni Phật, bao nhiêu kẻ đến kiếm chuyện! Trong là Lục Quân tỳ-kheo<sup>8</sup>, trong nhà bát hòa, trong các đệ tử, họ gây ra rất nhiều vấn đề. Ngoài là lục sư ngoại đạo, nội ngoại giáp công. Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện cho chúng ta thấy: Như như bất động, dùng Định, dùng Huệ để hóa giải những chướng nạn ấy. Nay chúng ta muốn cầu học, khó khăn, từ xưa đến nay chưa hề có ngoại lệ, nhất là trong thời đại hiện tại càng khó khăn, thiếu công phu nhẫn nhục, chẳng có bố thí, trì giới [sẽ càng khó khăn hơn], ba thứ ấy là cơ bản. Phải nhẫn nhục, nếu không, quý vị sẽ chẳng thể thành tựu. Thật sự phát tâm, nhằm lúc khó khăn hiện tiền, chúng ta chỉ có cách cầu Phật, Phật lực gia trì, tự nhiên có người hảo tâm đến giúp đỡ, hộ trì chúng ta; nhưng bản thân chúng ta tâm niệm phải đoan chánh, kiên định, hề có mảy may nào lệch về phía tiếng tăm, lợi dưỡng là xong luôn, đây là gì? Là nghiệp chướng của chính mình! Bao nhiêu kẻ thất bại ở chỗ này, thật đấy, công phu mấy chục năm bị hủy trong một buổi, rất đáng tiếc! Hễ bị hủy bèn phải luân hồi, lại chẳng biết đến đời nào, kiếp nào, quý vị mới được làm thân người, lại gặp gỡ Phật pháp, quay lại, thử coi quý vị có thể xuôi lọt trong đời ấy hay không? Đời nào có thể xuôi lọt thì quý vị sẽ thành tựu trong đời ấy. Trong thuận cảnh, tâm có mảy may tham luyến, xong rồi! Khi gặp nghịch cảnh có đôi chút tâm oán hận, cũng xong luôn! Quý vị muốn thành công, chỉ có một tấm lòng cảm ơn. Thuận cảnh, thiện duyên, cảm ơn; nghịch cảnh, ác duyên, vẫn cảm ơn, quý vị mới có thể thành tựu.

Tôi vừa mới nói với quý vị, về sau, Hán Vũ Đế chọn lựa nhân tài cho quốc gia, chọn người vừa hiếu vừa liêm. Trong Phật môn, cũng chẳng có ngoại

<sup>8</sup> Lục Quân tỳ-kheo (sad-vargika-bhikṣu) là từ ngữ chỉ chung sáu ác tỳ-kheo thường cấu kết kéo bè kéo đảng với nhau, chẳng tuân giữ luật nghi, làm nhiều điều ác. Phần lớn những giới luật được chế định nhằm ngăn ngừa những lỗi ác do họ vi phạm. Tên họ là Nan Đà (Nanda), Bạt Nan Đà (Upananda), Ca Lưu Đà Di (Kālodāyin hoặc Udāyin), Xiển Na (Chanda), A Thuyết Ca (Asvaka), Phất Na Bạt (Punarvasu).

lệ, hai chữ ấy thiếu sót một chút cũng không được. Đạo thánh hiền là văn hóa truyền thống của Trung Quốc, đạo thánh hiền cũng bao gồm Phật đạo, chẳng có ngoại lệ! Nho, Thích, Đạo muốn thành tựu, phải vun bồi căn cội hiểu liêm thật sâu. Có căn cội sâu xa ấy, quý vị mới có thể trì giới, trì giới là gì? Giữ quy củ, quý vị mới có thể nhận nhục. Đầy đủ những điều kiện ấy, coi như quý vị đã có phân nửa điều kiện để thành công. Trong cuộc sống thường nhật, phải tiết kiệm, chính là vì muốn vun bồi phước. Có phước thì phải trao cho đại chúng hưởng, chớ nên tự hưởng. Người khổ nạn trong thế gian này nhiều lắm, hãy thường nghĩ đến họ. Phải khiêm hư, phải nhún nhường, thật sự hóa giải, tiêu trừ tập khí ngạo mạn của chính mình. Người khác có tập khí ngạo mạn, chẳng thể nói ta không có, trong [ý niệm] “ta không có” đã tràn ngập ngạo mạn, nhưng chính mình chẳng biết. Vì sao nói tràn ngập ngạo mạn? Vì theo như đức Phật đã dạy, ngạo mạn là bẩm sinh, kể từ đời nào? Kể từ khởi nguyên của sanh mạng. Trong kinh, đức Phật đã giảng rất hay: “*Nhất niệm bất giác bèn có vô minh*”, từ trong tự tánh biến thành một vọng tâm, tức A Lại Da. Trong A Lại Da, trọn đủ tham, sân, si, mạn. Quý vị thấy Mạt Na là chính mình, chính mình do đâu mà có? Phát sanh đồng thời với vũ trụ.

Có bốn thứ thường đi theo tứ đại phiền não (tham, sân, si, mạn), thứ nhất là Ngã Kiến, chấp trước thân là ta. Trong A Lại Da, không chỉ chấp trước thân, mà còn chấp trước ý thức là ta, chúng ta thường gọi ý thức là linh hồn, hoặc gọi là linh tánh. Vì sao linh tánh vẫn chấp trước? Trong tứ thánh pháp giới, gọi là linh tánh, hay là A Lại Da, hay Mạt Na, [đều do] chưa chuyển thức thành trí. Chuyển Mạt Na thành Bình Đẳng Tánh Trí là gì? Là minh tâm kiến tánh, là Viên giáo Sơ Trụ Bồ Tát trong Hoa Nghiêm, vượt thoát mười pháp giới. Chỉ cần chưa vượt thoát mười pháp giới, vẫn là dùng A Lại Da để xử sự. Bất quá, trong tứ thánh pháp giới, sử dụng A Lại Da chánh đáng, vì sao sử dụng chánh đáng? Hoàn toàn chiếu theo giáo huấn của Phật, Bồ Tát, thật sự làm được. Cho nên người ấy thuần chánh, giống như Phật, nhưng chưa dùng chân tâm, mà dùng A Lại Da. Nếu chuyển thức thành trí, bèn vượt thoát mười pháp giới, sanh vào cõi Thật Báo Trang Nghiêm của chư Phật Như Lai. Thật đấy, chẳng giả đâu! Vì vậy, trong tứ thánh pháp giới, Bồ Tát, Phật vẫn dùng A Lại Da, vẫn là thức thứ sáu, tức ý thức phân biệt, thức thứ bảy là Mạt Na chấp trước, vẫn có những thứ ấy, nhưng rất nhạt, chúng ta nhất định phải biết điều này. Khi nào ta chẳng còn ngạo mạn? Khi minh tâm kiến tánh, quý vị thoát ly mười pháp giới sẽ có thể nói như vậy, tham, sân, si, mạn đều không có. Quý vị chưa vượt thoát mười pháp giới, làm sao có thể nói là chẳng có tham, sân, si, mạn? Chúng ta hiểu rõ đạo lý này, mới thật sự nhận biết chính mình. Cổ nhân Trung Quốc nói:



“*Con người phải tự hiểu mình*”, tự mình phải nhận rõ mình, ta là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân.

Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới cũng chẳng phải là thánh nhân. Quý vị thấy trong giáo pháp Đại Thừa, [các hữu tình] trong lục đạo gọi là “nội phàm”, lục đạo là giới tuyền. Ngoài lục đạo, tứ thánh pháp giới gọi là “ngoại phàm”, vẫn là phàm phu, nhưng là phàm phu ở ngoài lục đạo. Nhất định phải đoạn sạch vô minh, vượt thoát mười pháp giới thì mới là thánh nhân. Trong Phật môn, họ được gọi là tiểu thánh, A La Hán [là tiểu thánh], đó là tôn kính họ, họ chưa phải là thánh thật sự, vì sao? Trong ba loại đại phiền não (Kiến Tư, Trần Sa và Vô Minh), họ chỉ đoạn Kiến Tư. Đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng chấp trước pháp thế gian và xuất thế gian, nhưng còn có phân biệt, vọng tưởng, nên gọi họ là “tiểu thánh”. Nếu lên cao hơn, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Phật thuộc trong tứ thánh pháp giới, cao hơn tiểu thánh một chút, chúng ta thường gọi chung các Ngài là thánh nhân, chẳng phải là đại thánh. Đại thánh là gì? Phá vô minh, vượt thoát mười pháp giới, chứng đắc Sơ Trụ trong Viên Giáo, đây là đại thánh. Trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ được gọi là đại thánh, chúng ta gọi họ là Bồ Tát Ma Ha Tát, bốn mươi một địa vị Pháp Thân đại sĩ là Ma Ha Tát. Phật, Bồ Tát trong mười pháp giới được gọi là Bồ Tát. Thêm vào chữ Ma Ha Tát thì chẳng phải là trong mười pháp giới, mà thuộc về Nhất Chân pháp giới, là Bồ Tát trong cõi Thật Báo Trang Nghiêm. Đối với người học giáo pháp Đại Thừa, đây là kiến thức thông thường, kiến thức cơ bản, chớ nên không biết. Biết những điều này, chúng ta cũng rất khiêm hư, biết chúng ta thật sự là phàm phu, đúng là phàm phu, làm sao có thể ngạo mạn cho được? Vì thế, nhất định phải học khiêm ty, đạo lý ở chỗ này. Khiêm ty thì mới có thể “*khất pháp dưỡng tâm*”.

Những người nào dạy chúng ta? Phải biết, phải học theo Thiện Tài đồng tử, ai là thiện tri thức? Trừ ta ra, mỗi cá nhân đều là thiện tri thức. Thiện Tài đồng tử thành tựu như thế đó! Thuận cảnh, nghịch cảnh, thiện duyên, ác duyên, thấy đều là thiện tri thức. Thanh Lương đại sư đã nói rất rõ ràng, năm mươi ba lần tham học là trải qua sự việc để luyện tâm, luyện tâm gì? Luyện thanh tịnh, bình đẳng, giác. Hoàn cảnh có thuận và nghịch, hoàn cảnh và nhân sự (quan hệ giữa con người với nhau) có thiện và ác, toàn bộ hoàn cảnh và nhân sự đều là thiện tri thức. Trong tâm mục của Thiện Tài đồng tử, thiện tri thức là Phật, vị thiện hữu ấy là Phật, chẳng phải là Bồ Tát, [thiện hữu là] chư Phật Như Lai thị hiện chỉ dạy ta. Đây là học đạo sống động, chẳng phải là trên văn tự. Người ấy biểu hiện rất khá, là thiện nhân, chúng ta thấy người ấy trong tâm hoan hỷ, thôi

rồi! Hỷ là gì? Hỷ là cảm tình, thất tình, ngũ dục, mừng giận, buồn, vui, yêu, ghét, ham muốn, quý vị động tâm thì sao? Động tâm bèn bị nhiễm dơ. Thấy thiện hạnh, trong tâm thật sự khởi lòng bắt chước, tôn kính, nhưng chớ nên tham luyến. Người ấy có biểu hiện rất đáng ghét, gặp mặt quý vị liền căm hận, chửi mắng, đánh đập quý vị, đó là thiện tri thức, chớ nên có tâm oán hận. Hễ có tâm oán hận, thôi rồi, quý vị lại dấy động thất tình ngũ dục. Do vậy, trong hoàn cảnh, trong quan hệ giữa con người với nhau, phải đoạn gì? Đoạn sạch thất tình ngũ dục, chẳng phải là quý vị đã thành Phật ư? Nếu quý vị có thất tình ngũ dục, sẽ chẳng thoát khỏi lục đạo, ngay cả tiểu thánh cũng không thể chứng đắc. Đoạn thất tình ngũ dục, chứng tiểu thánh, thoát lục đạo. Thoát lục đạo, còn có tứ thánh, vẫn phải rèn luyện trong tứ thánh. Đó là rèn luyện vi tế.

Đối với những [rèn luyện] vi tế ấy, cũng chẳng động tâm, thật sự vĩnh viễn trụ trong Vô Lượng Thọ. Cái nhân để tu trong kinh Vô Lượng Thọ là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Quý vị thường ở trong thanh tịnh, bình đẳng, giác, đó là nơi chôn chúng ta vừa mới đọc: “*Thành Vương Xá, trong núi Kỳ Xà Quật*”, nó tượng trưng cho ý nghĩa này. Tâm thật sự thường trụ trong thanh tịnh, bình đẳng, giác, sẽ thành công! Quý vị mới có thể thật sự cảm ơn hết thấy hoàn cảnh, cảm ơn hết thấy nhân sự. Sáu căn của quý vị tiếp xúc cảnh giới sáu trần là gì? Toàn là Phật, Bồ Tát, quý vị đã thấy Phật, thành tựu rồi! Những điều ghi chép trong kinh Phật chính là sách giáo khoa. Đây là gì? Hướng dẫn, chỉ dẫn quý vị. Công phu chân thật ở chỗ nào? Trong cuộc sống. Quý vị thành tựu, đoạn phiền não, chứng Bồ Đề là chứng đắc trong cuộc sống, chẳng liên quan gì đến sách vở. Vì thế, giống như Lục Tổ đại sư đã nói, Ngài nghe tỳ-kheo-ni Vô Tận Tạng niệm kinh Niết Bàn. Niệm xong, Tổ giảng đạo lý cho bà ta, giảng đến nỗi tỳ-kheo-ni vô cùng vui vẻ, cầm kinh bôn đến hỏi, hướng về Tổ thỉnh giáo. Ngài nói: “Ta không biết chữ”. [Ni sư hỏi]: “Không biết chữ, có sao Ngài giảng hay như thế?” “Điều ấy chẳng dính dáng tới chuyện biết chữ hay không biết chữ!” Sống động! Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là gì? Nếu quý vị nghĩ kinh bôn là kinh Hoa Nghiêm, trật rồi, đó chẳng phải là kinh Hoa Nghiêm. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm là toàn thể vũ trụ, là y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, sống động! Cuộc sống sinh động là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, Đại Phương Quảng là Thể - Tướng - Dụng của tự tánh, lẽ nào nằm trong sách vở? Đâu có đạo lý ấy!

Chúng ta học Phật, chết cứng nơi sách vở, quý vị làm sao có thể khai ngộ cho được? Bởi lẽ, sách vở là hướng dẫn, giống như chúng ta đi đường phải xem bản đồ, bản đồ chẳng phải là nơi đó. Quý vị muốn đến nơi ấy, nhưng chẳng thật

sự tìm cách đến nơi đó, chỉ cần nhìn vào [bản đồ], có đến được hay chẳng? Quý vị vứt bỏ bản đồ thì mới đi đến được. Con người hiện thời cố gắng học và vận dụng sống động, lời ấy rất có ý vị, chúng ta phải học và vận dụng sống động, Phật pháp ở chỗ nào? Phật pháp ở ngay trong cuộc sống, trong mặc áo, ăn cơm, trong đãi người, tiếp vật. Đại Thừa ở nơi đâu? Đại Thừa ở trong công việc. Vì thế, Thích Ca Mâu Ni Phật thuở ấy được nhiều người tôn kính như vậy, quý vị thấy pháp hội này có hơn hai vạn người [tham dự]. [Con số] hơn hai vạn [chỉ] là người, mắt chúng ta không thấy những thính chúng chẳng phải là người, còn có [những thính chúng thuộc các] chiều không gian khác biệt. Chiều không gian khác biệt cũng có thể coi như là chư đại Bồ Tát, Thanh Văn, A La Hán, những vị này chẳng thuộc trong lục đạo. Trong lục đạo còn có chư thiên, Dục Giới thiên, Tứ Thiên Thiên, "*Phạm chúng*" là Tứ Thiên Thiên. [Kinh văn] không nhắc tới Tứ Không Thiên, vì chư thiên Tứ Không Thiên chẳng đến. Tứ Không Thiên còn gọi là Trường Thọ Thiên, họ chẳng đến nghe pháp. Bát bộ quỷ thần cũng thuộc Dục Giới, đều là những [hữu tình] chúng ta chẳng thấy được! Chẳng biết những thính chúng không trông thấy nhiều gấp số thính chúng ta thấy được trong hiện tiền bao nhiêu lần? Đến học đều là học Phật pháp sống động, chẳng phải là học thứ chết cứng, nhất định phải biết điều này. Do vậy, Khất có hai ý nghĩa ấy, quý vị thấy: "*Khất thực dưỡng thân, khất pháp dưỡng tâm*", "*tâm*" ấy là chân tâm, chẳng phải là vọng tâm. Đó là ý nghĩa thứ nhất.

Ý nghĩa thứ hai là Phá Ác, bởi tỳ-kheo có ba ý nghĩa, Ác là gì? Ác là phiền não. "*Chánh huệ quán sát, phá phiền não ác, Kiến Tư Hoặc tận*" (chánh huệ quán sát, phá phiền não ác, Kiến Tư Hoặc hết sạch), Hoặc là mê hoặc, đoạn hết Kiến Tư Hoặc. Kiến là gì? Kiến giải sai lầm, quý vị thấy sai; Tư là quý vị suy nghĩ sai lầm. Hằng ngày quý vị hoàn toàn nhìn sai, nghĩ trật. Vì sao sai trật? Quý vị chẳng thoát khỏi lục đạo luân hồi là trật. Nếu quý vị có cách nhìn chính xác, không sai, cách nghĩ cũng chẳng trật, bèn thoát lục đạo, tiến vào tứ thánh pháp giới. Chỉ cần quý vị ở trong lục đạo, chúng ta phải thừa nhận chính mình thấy trật, nghĩ sai. Đức Phật ban cho chúng ta mấy trường hợp cụ thể, quý vị hãy xem, trong kinh nói đến tám mươi tám thứ [phiền não]. Đề dạy kẻ sơ học, đức Phật lại đơn giản hóa, quy nạp tám mươi tám thứ thành năm loại lớn: Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, Tà Kiến. Kiến (見) là quý vị nhìn sai, kiến giải sai lầm. Đầu tiên, có phải là quý vị nghĩ thân này là ta? Vì có ta, sẽ có tự tư tự lợi, có tiếng tăm, lợi dưỡng, có thị phi, nhân ngã, đó là sai lầm thứ nhất. Sai lầm thứ hai là Biên Kiến. Biên Kiến là gì? Đối lập. Ta đối lập với người khác, đối lập với sự, đối lập hết thấy vạn vật. Trong tự tánh thanh tịnh

viên minh thể, không có Thân Kiến, mà cũng chẳng có Biên Kiến. Năm thứ Kiến Hoặc ấy không có, năm thứ Tư Hoặc cũng chẳng có, Tư Hoặc là tư tưởng sai lầm.

Năm thứ Tư Hoặc là gì? Tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi ở đây là nghi hoặc thánh giáo, trên thực tế là nghi hoặc đối với tất cả hết thảy các pháp, trong đó, trọng yếu nhất là thánh giáo. Thánh giáo quyết định là chính xác, người ta đã minh tâm kiến tánh, từ tự tánh mà nói ra, lẽ đâu chẳng chính xác? Chúng ta chưa kiến tánh, thấy người ta do kiến tánh nên thấy những thứ khác với chúng ta, [bèn cho rằng] người ấy trật rồi, ta chẳng sai, đó gọi là Nghi. Khi nào đoạn sạch Kiến Tư phiền não, quý vị “*siêu xuất tam giới*” (vượt thoát tam giới). Tam giới là Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, tức là lục đạo. Vượt thoát tam giới là vượt thoát lục đạo. Ngoài lục đạo có tứ thánh pháp giới, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, đó là “ngoại phạm”, tức là phạm phu ở ngoài tam giới. Tuy đã đoạn Kiến Tư, nhưng chưa đoạn Trần Sa, chưa đoạn vô minh, vẫn là có phiền não, nhưng không có phiền não thô nặng, chứ vi tế phiền não vẫn còn! Vì thế, tỳ-kheo có ý nghĩa Phá Ác. Nay chúng ta tập khí phiền não nặng nề ngàn ấy, có thể gọi là tỳ-kheo được chăng? Tỳ-kheo thật sự làm, [tức là] thật sự đoạn phiền não. Dùng phương pháp gì? Rất nhiều phương pháp, tám vạn bốn ngàn pháp môn đều là phương pháp, nhưng đối với người sơ học, quan trọng nhất là trì giới, bắt đầu từ chỗ ấy. Quý vị chẳng trì giới, làm sao có thể đoạn phiền não?

Do trong nhiều năm như vậy, chúng tôi đã đến nhiều nơi trên thế giới, phạm vi tiếp xúc rất rộng, thấy các đồng tu tại gia chẳng thể hành Thập Thiện, đồng tu xuất gia chẳng thể thực hiện Sa Di Luật Nghi, vấn đề này nghiêm trọng lắm. Nghiêm trọng đến mức độ nào? Chẳng phải là đệ tử Phật thật sự! Đệ tử Phật thật sự phải nghiêm túc làm. Người khác có làm hay không, chẳng ăn nhằm đến ta, ta phải làm, quý vị mới có thể thành tựu. Chớ nên nói người khác không làm, ta làm để làm gì? Ta làm, chẳng phải là bị thua thiệt ư? Vậy là quý vị sai mất rồi! Trên thực tế, quý vị làm sẽ chiếm tiện nghi, kẻ khác chẳng làm, sẽ bị thua thiệt, thua thiệt là kẻ ấy. Kẻ ấy bị thua ở chỗ nào? Bị thua ở chỗ phải tiếp tục luân hồi trong lục đạo, kẻ ấy bị thua ngay chỗ đó. Quý vị thật sự làm, luân hồi một lần này, sau đây chẳng còn luân hồi nữa, chẳng còn làm chuyện ngốc nghếch nữa! Nhất là gặp được pháp môn Tịnh Độ, đời sau ta quyết định sanh về thế giới Cực Lạc, lục đạo nhường cho quý vị rong chơi, ta chẳng còn chơi đùa với quý vị nữa, phải có ý niệm ấy thì mới được! Chúng ta đến đâu? Tới thế giới Cực Lạc, cùng vui chơi với chư Phật, Bồ Tát, chư thượng thiện nhân, đó là đúng. Tâm ấy phải kiên định, có kiên định thì quý vị mới chịu

buông xuống. Chưa buông xuống được sẽ chẳng thể vãng sanh, thật đấy, chẳng giả đâu! Phải buông xuống lúc nào? Buông xuống ngay trong hiện tại, vì sao? Chúng ta chẳng biết sẽ chết lúc nào, trong kinh, đức Phật đã dạy chúng ta: “*Mạng người trong hơi thở*”, một hơi thở không hít vào được sẽ sang đời sau, cho nên phải buông xuống ngay trong hiện tại. Buông xuống sẽ thật sự tự tại! Buông xuống, phiền não sẽ nhẹ nhàng, trí huệ tăng trưởng. Vì vậy, quý vị thấy tỳ-kheo vượt thoát tam giới, vượt khỏi lục đạo luân hồi, nhưng chưa vượt thoát mười pháp giới.

Ý nghĩa thứ ba là Bồ Ma, ma ở đây là ma vương. “*Như Niết Bàn thuyết: - Ma tánh cầu*” (như kinh Niết Bàn nói: “Tánh ma như bản”), tánh ma ô nhiễm, “*cầu*” (婁) là ô nhiễm. “*Cứ Trung Hoa Đại Tự Điển, Cầu hữu bát nghĩa, kim thủ kỳ nhất, cầu giả ác dã*” (theo Trung Hoa Đại Tự Điển, chữ Cầu có tám nghĩa, nay lấy ý nghĩa thứ nhất thì Cầu là ác), chẳng lành! “*Tệ, kỳ tha thắng kỳ*” (Tệ là đồ kỳ kẻ khác hơn mình), nay chúng ta nói [“*cầu tệ*”] là ngạo mạn, đồ kỳ; người khác hơn mình, trong tâm khó chịu, đó là sai lầm. Tâm đồ kỳ cũng là bầm sanh, quý vị rất chú tâm quan sát, sẽ thấy gì? Trẻ nhỏ ba bốn tháng, bé con, còn chưa biết đi, còn đang bò. Quý vị để hai đứa bé cạnh nhau, chúng lớn như nhau, quý vị cho đứa trẻ này một miếng đường để ăn, đứa bên cạnh trông thấy, ghen tỵ, nó cũng rất khó chịu, quý vị quan sát cẩn thận [sẽ thấy]. Vì thế, đồ kỳ, ngạo mạn là phiền não bầm sanh, là tập khí nhiều đời nhiều kiếp. Nếu không khéo rèn luyện, dạy dỗ từ nhỏ, làm sao đoạn được phiền não? Người chẳng có tâm đồ kỳ, tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh không có đồ kỳ, trong tâm bình đẳng không có ngạo mạn, đấy là Tánh Đức. Trong hết thảy chỗ, hết thảy mọi lúc, gặp những sự việc, trong tâm vẫn khởi lên ý niệm ấy, thì phải ngay lập tức hồi quang phản chiếu, công phu của chúng ta thua kém quá xa. Hồi quang phản chiếu là giác, cổ đại đức đã nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm*”, hễ giác, quý vị bèn quay lại, sanh lòng hổ thẹn, sám trừ nghiệp chướng.

Sám trừ nghiệp chướng là gì? Nay mọi người gọi là “*phát lộ sám hối*”. Sau khi phát lộ sám hối, gặp chuyện vẫn làm y hệt, làm y hệt xong rồi mai lại phát lộ, hằng ngày phát lộ [có ích gì đâu]. Chư vị phải biết: Khi thật sự sám hối sẽ chẳng còn tạo nữa. Phát lộ sám hối có lợi gì chẳng? Phát lộ sám hối là biểu diễn trên sân khấu nhằm khuyên người khác, rất tốt, dùng chính mình làm gương để khuyên dạy người khác, đấy là tốt, tự lợi, lợi tha; nhưng lợi ích chân thật là sau đấy không tạo nữa. Không phu tử đã nói “*bất nhị quá*”, [nghĩa là] chỉ phạm khuyết điểm một lần, chẳng còn lặp lại nữa. Phu tử tán thán, Ngài có

học trò đông ngàn ấy, chỉ có một người làm được, [tức là] Nhan Hồi. Ngài khen ngợi Nhan Hồi bất nhị quá. Do vậy biết: Những học trò khác đều không làm được, quý vị mới biết chuyện này khó khăn, chẳng dễ dàng. Trong Phật môn, A La Hán mới có thể bất nhị quá, chẳng phải là phạm nhân. Do vậy, đã phát tâm xuất gia, phải thật sự làm. Căn bệnh này vô cùng sâu, có thể sanh ra cả đồng ác nghiệp; do vậy, tâm đố kỵ vô cùng xấu! Chớ nên coi thường nó, phải thống thiết đồ công sức nơi đây! Ma là như vậy đấy, ngạo mạn, đố kỵ; do vậy, hấn là ma, chẳng phải là Phật. “*Cố hoài khủng bố*” (nên ôm lòng sợ hãi), thấy người khác tốt đẹp hơn mình, trong tâm khó chịu, sợ người khác lại hơn mình. “*Huru cụ kỳ nhân, đa hóa chúng sanh*” (lại sợ người ấy giáo hóa nhiều chúng sanh), người tu hành ấy, tức tỳ-kheo, giáo hóa chúng sanh, chúng sanh đều theo người ấy, người ấy có nhiều tín đồ, ma lại sanh lòng đố kỵ. Vì sao? Hấn tranh giành tín đồ với quý vị, chẳng nề hà bất cứ thủ đoạn nào để lôi kéo tín đồ, phá hoại, chướng ngại quý vị, khiến cho tín đồ của quý vị nảy sanh hiểu lầm, xa lìa quý vị, để hấn lôi kéo, làm chuyện như vậy. Vì thế, hấn sợ người [tu hành] ấy. “*Đa hóa chúng sanh, đồng xuất sanh tử, không kỳ cảnh giới*” (giáo hóa nhiều chúng sanh, cùng thoát sanh tử, trống không cảnh giới của ma), trống không cảnh giới của ma là gì? Người trong ma giới ít đi. Phật giới đông người hơn, hấn sợ điều này. “*Cố sanh khủng bố*” (nên sanh lòng sợ hãi).

“*Nhược nhân xuất gia thọ giới, yết-ma thành tựu, địa hành dạ-xoa, không hành dạ-xoa, thiên hành dạ-xoa, triển chuyển tán thán, thanh truyền Dục Giới Lạc Thiên, ma vẫn tâm bố*” (Nếu người xuất gia thọ giới, yết-ma thành tựu, địa hành dạ-xoa, không hành dạ-xoa, thiên hành dạ-xoa lần lượt truyền nhau tán thán, tiếng [ca ngợi] lên đến tận tầng trời thứ sáu trong Dục Giới, ma nghe tiếng, tâm sợ hãi). Ma là thiên vương của Đệ Lục Thiên, ma vương chính là thiên vương cõi Tha Hóa Tự Tại Thiên. Vì sao? Người ấy phát tâm xuất gia thọ giới, yết-ma là hoàn thành nghi thức thọ giới, quý dạ-xoa lần lượt truyền nhau tán thán, Đệ Lục Thiên Tha Hóa Tự Tại thiên vương nghe biết, trong tâm Tha Hóa Tự Tại thiên vương cũng rất khó chịu. Vì ông ta có lòng đố kỵ, ghen ghét Phật, Bồ Tát sẽ độ thoát từng chúng sanh trong lục đạo, người thuộc quyền thống trị của ông ta sẽ dần dần ít đi, Dục Giới do ông ta thống lãnh. Hiện thời quý vị phải biết, ma vương rất sung sướng, rất hoan hỷ, vì sao? Xuất gia thọ giới chẳng thật, là giả, ai có thể trì giới? Ai có thể làm được? Ma xét thấy hiện thời các đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật thì kẻ tại gia chẳng thể hành Thập Thiện, kẻ xuất gia chẳng thể hành Sa Di Luật Nghi. Ma có thể vui sướng đến chết, chẳng phải lo âu tí nào. Thật sự có một hai người, đương nhiên ma vẫn có lòng đố kỵ, nhưng người [thật sự xuất gia thọ giới] rất ít, Ma chẳng bận tâm.

Nếu có nhiều người, ma sẽ lo ngại. Khi rất ít người [thật sự xuất gia thọ giới], người có cùng một tâm, tâm cùng một lý này, đương nhiên ma chẳng bận lòng! Vì thế, chúng ta chớ nên chẳng biết điều này! Chúng tôi giới thiệu ba ý nghĩa của tỳ-kheo đến đây.

Chúng ta học những văn tự này, trí huệ bèn mở mang, chúng ta nên học theo cách nào? Phải biết tận hết sức tránh né những chướng ngại trên đường Bồ Đề ư? Chướng ngại tuyệt đối nhất định phải có, quý vị thấy đó: Quý vị thật sự muốn tu đạo, Lục Dục Thiên chẳng dung tha, sẽ luôn chướng nạn quý vị. Quý vị thật sự thành công thì thừa quý vị, Lục Dục Thiên là đại thiện tri thức. Vì sao? Ông ta khảo đảo, thử thách quý vị mỗi ngày, kết quả là quý vị vượt qua được, ông ta sẽ đánh lễ quý vị, tôn quý vị làm thầy, hộ trì pháp của quý vị, biến thành thần hộ pháp. Ông ta là người tốt, chẳng phải là kẻ xấu. Quý vị không vượt qua được, không vượt qua được sẽ phải trở lại, ông ta bèn vùi dập quý vị. Vì thế, [những kẻ thử thách, chướng ngại ta] đều là Phật, Bồ Tát, là thiện tri thức. Hãy suy nghĩ: Hiện thời, chẳng phải là quý vị có thể thành tựu hay không đều cạy vào những kẻ làm phiền, thử thách quý vị đó ư? Không có họ, làm sao chúng ta có thể vượt lên cao hơn được? Sau mỗi lần chướng nạn, chắc chắn sẽ được nâng cao hơn với một mức độ lớn, bất luận là trí huệ, hay phước báo, thấy đều được nâng cao. Đây là kinh nghiệm của chúng tôi trong gần sáu mươi năm học tập, kinh nghiệm này vô cùng quý báu.

Chúng ta lại xem đoạn tiếp theo, giải thích chữ Đại, trước chữ tỳ-kheo thêm một chữ Đại. “*Đại giả, Phạn ngữ vi Ma Ha*” (Đại, tiếng Phạn là Ma Ha). Đây là chữ dịch âm trong kinh Phật, tiếng Phạn là Ma Ha, tiếng Hán là Đại. Nó “*cụ hữu tam nghĩa*”, [nghĩa là] nó có ba ý nghĩa là Đại, Đa và Thắng (thù thắng, siêu thắng). “*Đại giả, Di Đà Sớ Sao vân, thiên vương đại nhân sở cộng kính ngưỡng, phi tiểu đức dã, danh Đại*” (Đại là như sách Di Đà Sớ Sao giảng: “Thiên vương và đại nhân đều cùng kính ngưỡng, chẳng phải là kẻ đức nhỏ, nên gọi là Đại”). Tỳ-kheo trì giới, tu định, là bậc đại đức, do Giới đắc Định. Nếu quý vị chẳng trì giới, tâm tán loạn, rất nhiều vọng tưởng, những vị thiên vương và bậc đại nhân chẳng tôn kính quý vị. Quý vị thật sự trì giới, tâm sẽ thanh tịnh, tâm thanh tịnh là định, những thiên vương và đại nhân thấy quý vị mạnh mẽ hơn họ, họ chẳng bằng quý vị, lẽ nào chẳng tôn kính quý vị? Giới phải thực hiện từ nơi đâu? Quý vị chớ nên không biết điều này, làm từ Đệ Tử Quy, Cảm Ứng Thiên. Một trăm mười ba chuyện trong Đệ Tử Quy có làm được hay chẳng? Thật sự làm. Một trăm chín mươi lăm chuyện trong Cảm Ứng Thiên là quả báo thiện ác, khởi tâm, động niệm, ngôn ngữ, tạo tác, quý vị có thể

trương ứng [với những chuyện ấy], quý vị có thiện, có thể đoạn trừ ác. Quý vị là đại đức, chẳng phải là tiểu đức. Người trong thế gian hiện thời chẳng tôn trọng quý vị, nhưng thiên địa quỷ thần tôn kính, ủng hộ quý vị, họ nhìn thấy, con người chẳng nhìn thấy. Người thế gian thật sự có học vấn, có đức hạnh sẽ nhìn thấy dáng vẻ của quý vị khác hẳn. Huống hồ những vị này là đệ tử Phật, mỗi ngày học tập giáo huấn của đức Phật. Chư vị nhất định phải nhớ, học tập, chú trọng tại tập, tập là thực hiện. Những gì quý vị đã học nếu làm không được, chỉ có học, không có tập, sẽ biến thành gì? Biến thành học thuật, biến thành Phật học. Học rồi làm được, đây là học Phật, người ấy giống hệt Thích Ca Mâu Ni Phật, thầy là tấm gương tốt nhất cho chúng ta, thật sự học được. “*Tịnh Ảnh*”, trong phần trước đã giới thiệu Tịnh Ảnh Sớ, trong Tịnh Ảnh Sớ có nói: “*Khoảng bị cao đức, quá dư cận học*” (Đức cao quý mệnh mỏng hơn hẳn những kẻ cận học khác), “*quá*” là vượt hơn, “*cố danh vi Đại*” (nên gọi là Đại). Đức cao, học rộng, Ngài học nhiều thứ lắm. “*Đức cao*” là gì? Những gì Ngài đã học đều làm được, làm được, đức bèn cao. Học rất nhiều, đây là “*học phú*” (học rộng). Học rộng nhưng chẳng làm được, tức là có học vấn rộng rãi, nhưng đức chẳng cao, không được rồi! Đó là học giả (scholar), hiện thời gọi học giả là chuyên gia (expert), chẳng thể gọi là thánh hiền. Người thật sự làm được thì là thánh hiền. Làm được phân nửa là hiền nhân; thầy đều có thể làm được thì là thánh nhân. Đây là ý nghĩa của chữ Đại.

Lại nói đến Đa, “*Đa giả, nội điển ngoại tịch, vô bất bác thông, phi quả giải dã, danh Đa*” (Đa là nội điển, ngoại tịch, không sách vở nào chẳng thông suốt rộng rãi, chẳng phải là kẻ hiểu biết ít ỏi, nên gọi là Đa). Điều này nói về quảng học đa văn. “*Nội điển*” là điển tịch nhà Phật, là giáo huấn của Phật, Bồ Tát. “*Ngoại tịch*” là trừ Phật pháp ra, tất cả tôn giáo, tất cả học thuật, không gì Ngài chẳng thông đạt. Vì sao Ngài thông đạt? Trong quá khứ, tổ sư đại đức Trung Quốc đã bảo: “*Một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông*”, một môn thông, môn nào cũng đều thông, vì sao? Thông là gì? Kiến tánh là thông, chưa kiến tánh sẽ chẳng thông. Vì sao có thể kiến tánh? Hết thấy các pháp chẳng lìa tự tánh, hết thấy tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian, thiện pháp, ác pháp, toàn bộ đều từ tự tánh lưu xuất, vấn đề là quý vị thật sự hiểu. Từ một pháp, quý vị tham cứu, chớ nên nghiên cứu. Nghiên cứu là gì? Quý vị dùng tâm ý thức thì là nghiên cứu, lìa tâm ý thức là tham cứu. Tham cứu mới có thể kiến tánh, nghiên cứu chẳng thể kiến tánh. Do vậy, khoa học gia có thể phát hiện A Lại Da, nhưng chẳng thể kiến tánh, vì sao? Kiến tánh nhất định phải lìa tâm ý thức, tức là chẳng khởi tâm, không động niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước bèn kiến tánh. Khoa học gia vẫn phân biệt, vẫn chấp trước, vẫn khởi tâm động



niệm; vì thế, những thứ họ học được là tri thức, chẳng phải là trí huệ. Buông vọng tưởng, phân biệt, chấp trước xuống sẽ là trí huệ, chẳng phải là tri thức.

Trí huệ là “một thông, hết thấy đều thông”, Huệ Năng đại sư là một tấm gương rất hay, Ngài chưa hề đi học, nhưng quý vị hỏi Ngài về pháp thế gian lẫn xuất thế gian, không có gì Ngài chẳng thông. Thời ấy, không có ai hỏi những vấn đề khoa học, nhưng nếu hỏi Ngài, Ngài sẽ trả lời, hiểu toàn bộ, không có gì chẳng hiểu! Xưa nay, trong, ngoài nước, khoa học hiện thời gọi là thế giới vĩ mô và thế giới vi mô, không có gì Ngài chẳng hiểu. Chưa hề tiếp xúc, nhưng chỉ cần tiếp xúc bèn thông đạt, vừa nhìn hay nghe liền hiểu rõ toàn bộ, một thông, hết thấy đều thông, đây là Đa! Đa do “*ting chuyên*” mà có. Văn tự Trung Quốc rất hay khéo, “*ting*” là thông, chẳng ting sẽ chẳng thông. Học đâu nhiều nhưng không ting, nên chẳng thông. Học một thứ mà ting, sẽ thông suốt toàn bộ. Ở ngoại quốc, không tìm được văn tự như Trung Quốc, đây là phù hiệu trí huệ. Văn tự Trung Quốc quả thật là trí huệ, nó chỉ dạy quý vị. Vì thế, tổ tiên không có bí mật gì, do họ không có tâm đố kỵ, luôn mong mỗi con cháu có thể hơn họ. Có thể vượt hơn hay chẳng? Thừa quý vị, chắc chắn là chẳng thể, vì họ bình đẳng, quý vị đạt đến trình độ ấy, sẽ bình đẳng với họ, chẳng có cách nào vượt hơn. Giống như một khối cầu, quý vị thông suốt toàn bộ, trên khối cầu chẳng thể nhô ra chút nào, mà cũng chẳng thể hụt đi chỗ nào. Vì thế, Phật Phật đạo đồng là do đạo lý này, bình đẳng, “thanh tịnh, bình đẳng, giác”, quý vị cũng trở về thanh tịnh, bình đẳng, giác. Do vậy, hãy chú ý hai chữ “*ting thông*”, hai chữ ấy ý vị vô cùng. A! Ngày hôm nay thời gian đã hết rồi, chúng ta học tới đây.